

Số: 278/2019/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 12 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Sau khi nghe Tờ trình số 8056/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc liên quan đến số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, tổ dân phố, thôn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định về số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ, cụ thể:

Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước và chỉ áp dụng đối với 03 chức danh:

- a) Bí thư chi bộ;
- b) Tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng thôn;
- c) Trưởng ban công tác Mặt trận.

2. Người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn: Phó bí thư chi bộ, tổ phó tổ dân phố hoặc phó trưởng thôn, phó trưởng ban công tác Mặt trận và chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn:

Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm chức danh trong số các chức danh quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm là 50% mức phụ cấp hàng tháng của chức danh được kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

3. Mức bồi dưỡng đối với người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn:

a) Đối với tổ dân phố: Người tham gia công việc ở tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng là 500.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với thôn: Người tham gia công việc ở thôn được hưởng mức bồi dưỡng là 600.000 đồng/người/tháng.

4. Chế độ bảo hiểm y tế

Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế đối với bí thư chi bộ; tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn; trưởng ban công tác Mặt trận (trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế).

**Điều 3. Hiệu lực văn bản**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

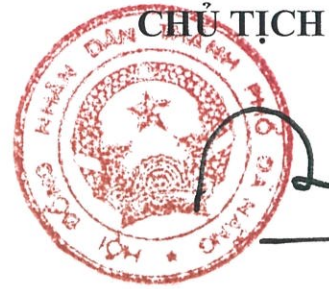
2. Bãi Bỏ quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dưới phường, xã được thông qua tại Khoản IV, Điều 1 Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ năm 2014 và bãi bỏ Nghị quyết số 109/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về mức phụ cấp hàng tháng đối với tổ phó tổ dân phố.

**Điều 4.** Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố, khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố, Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQ, các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Sở Nội vụ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Quận, Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTHĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



**Nguyễn Nho Trung**





**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH MỨC PHỤ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI**  
**HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở TỔ DÂN PHỐ, THÔN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 278/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng)*

**1. Đối với tổ dân phố**

STT	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Dưới 100 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,6
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,5
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,5
2	Từ 100 đến dưới 250 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,8
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,7
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,7
3	Từ 250 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,9
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9

**2. Đối với thôn**

STT	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Dưới 250 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,8
		Trưởng thôn	0,7
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,7
2	Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0
		Trưởng thôn	0,9
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9
3	Từ 350 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,5
		Trưởng thôn	1,4
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4

